TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 4 – NGHỆ AN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/DS - ST
Ngày: 18/12/2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quang Cường và ông Nguyễn Văn Bảy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An.

***- Đại diện VKS nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An tham gia phiên tòa*:** Bà Văn Thị Hà – Kiểm sát viên .

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 38/2025/TLST-DS, ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2025/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 100/2025/QĐDS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 4 –Nghệ An, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1964; có mặt

Địa chỉ: Khối 12, phường QM, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn:* 1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; có mặt

2. Anh Lê Văn T, sinh năm 1993; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn 17, xã QV, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Do có quen biết nhau nên ngày 27/4/2017 (âm lịch) bà D đã cho vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T vay số tiền 178.000.000 đồng; anh T chị T đã nhận

tiền đầy đủ; giấy vay do chị T viết, tại phần ký tên thì chị T và anh T cùng ký vào; thời hạn vay là 01 tháng (từ ngày 27/4/2017 âm lịch đến ngày 27/5/2017 âm lịch); lãi suất hai bên thoả thuận bằng miệng là 1%/tháng nhưng không ghi trong giấy vay. Đến hạn trả nợ bà đã nhiều lần trực tiếp đến nhà và gọi điện thoại yêu cầu chị T và anh T trả nợ nhưng chị T và anh T chỉ trả được cho bà số tiền lãi là 20.000.000 đồng, tại bản tự khai ngày 24/11/2025, bà D trình bày anh T chị T đã trả tiền lãi 59.000.000 đồng. Nên yêu cầu nguyên đơn trả số tiền gốc 178.000.000 đồng và lãi suất 1%/tính từ khi vay và trừ đi số tiền 59.000.000 đồng, tổng cộng là 295.220.000 đồng

Tại bản tự khai ngày 15/12/2025, bà D xin rút một phần đơn khởi kiện, bà D chỉ yêu cầu anh T chị T trả số nợ gốc 178.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng từ khi vay đến tháng 27/9/2025 âm lịch là 149.217.000 đồng và trừ đi 59.000.000 đồng đã trả tiền lãi suất, tổng cộng là 268.217.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị T thống nhất trình bày:

Anh T và chị T có vay tiền của bà D 178.000.000 đồng vào ngày 27 tháng 4 năm 2017 (âm lịch) để chơi phường; giấy vay do chị T viết, chị T và anh T cũng trực tiếp ký vào giấy vay. Khi vay, thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng (từ ngày 27/4/2017 âm lịch đến ngày 27/5/2017 âm lịch); lãi suất bằng miệng là 2.000đ/1.000.000đ/ngày nhưng không ghi vào giấy vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng anh chị đã nhiều lần trả nợ cho bà D tổng số tiền đã trả khoảng 80.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng, nhưng chị T chỉ có tài liệu chứng minh đã trả được 5.000.000 đồng cho bà D theo giấy ngày 02/6/2020 và tại phiên toà anh chị T xuất trình bản sao kê thể hiện chị T đã chuyển khoản trả cho bà D 26.500.000 đồng. Nay bà D yêu cầu anh T chị T trả số nợ gốc và nợ lãi là 268.217.000 đồng thì anh chị nhất trí trả và yêu cầu bà D trừ đi số tiền đã trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- nghệ An phát biểu ý kiến:

Về việc thuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ thời điểm thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Nguyễn Thị T, anh Lê Văn T phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị D số tiền 268.217.000 đồng (bao gồm cả

tiền gốc và lãi suất). Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị D yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị T, anh Lê Văn T trả nợ gốc tiền vay và tiền nợ lãi suất Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn 17, xã QV, tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An theo khoản 3, Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị T, anh Lê Văn T thừa nhận nghĩa vụ trả nợ đối với người khởi kiện, các bên đương sự không ai đề nghị áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử xác định thời hiệu khởi kiện hiện đang còn.

[1.3]. Về việc Tòa án xét xử vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Lê Văn T nhưng anh T vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Văn T.

[2]. Về nội dung:

Xét giấy vay đề ngày 27 tháng 4 năm 2017 âm lịch giữa bên cho vay là bà Nguyễn Thị D và bên vay là anh Lê Văn T chị Nguyễn Thị T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận giấy vay do chị T viết và anh T chị T cùng ký vào đồng thời cũng thừa nhận số tiền mà anh T chị T vay của bà D là 178.000.000 đồng. Nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là một tháng kể từ ngày vay nhưng đến nay anh T chị T vẫn chưa trả nợ đầy đủ cho bà D nên bà D có quyền khởi kiện anh T chị T là đúng quy định. Mặc dù trong giấy vay không thể hiện việc tính lãi suất nhưng quá trình giải quyết vụ án, hai bên đều khai việc vay là có lãi suất do đó xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi suất.

Quá trình thực hiện hợp đồng, theo chị T anh T thì đã trả được cho bà D số tiền khoảng từ 80.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng nhưng anh T chị T cũng chỉ cung cấp được tài liệu thể hiện bà D chỉ nhận của anh T chị T 5.000.000 đồng vào

ngày 02 tháng 6 năm 2020; tại phiên toà anh chị T xuất trình bản sao kê thể hiện chị T đã chuyển khoản trả cho bà D 26.500.000 đồng, tổng cộng là 31.500.000 đồng và không thể hiện việc trả số tiền này là tiền gốc hay tiền lãi. Bà D sau khi tính toán lại đã thừa nhận việc anh T chị T trả được số tiền 59.000.000 đồng tiền lãi suất. Do đó chỉ có căn cứ chấp nhận việc bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi 59.000.000 đồng nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 178.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

[3]. Về lãi suất, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận việc vay có lãi suất, trong giấy vay không ghi lãi suất, hai bên cũng không thống nhất được mức lãi suất nên cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để giải quyết về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Tại bản tự khai ngày 15/12/2025 và tại phiên toà, bà D chỉ yêu cầu anh T chị T trả số tiền lãi là 0,83%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi suất 178.000.000đồng x 0.83%/tháng (101 tháng) = 149.217.000 đồng – 59.000.000 đồng = 90.217.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận. Do đó cần buộc anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị D tổng cộng 268.217.000 đồng (trong đó 178.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất 90.217.000 đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị D đối với một phần tiền lãi suất do nguyên đơn thay đổi mức tính lãi suất (từ 01% xuống 0,83%/tháng).

[4]. Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 13.411.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 157, 280, 357, 463, 466, 468, 470, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 37 luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

2.1. Buộc anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị D tổng cộng 268.217.000 đồng (trong đó 178.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất 90.217.000 đồng) theo giấy vay tiền ngày 27 tháng 4 năm 2017 âm lịch.

2.2. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị D đối với một phần tiền lãi suất

27.003.000 đồng.

3. Về án phí: Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 13.411.000 đồng, kỷ phần mỗi người phải nộp là 6.705.000 đồng.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn khác cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND Khu vực 4 - Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Hà